TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** - Đ N	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HS-ST
Ngày 05-8-2-25

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- Đ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Giàu

2/ Bà Lưu Kim Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dung, cán bộ TAND khu vực 1 - Đ N.

- Đại diện VKS nhân dân khu vực 1- Đ N, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đ Nxét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2025/ TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

DƯƠNG QUỐC H, sinh năm 1994, tại Đ N; Nơi đăng ký thường trú: 23B/85, khu phố 12, phường H N, thành phố B H, tỉnh Đ N (Nay là phường L B, tỉnh Đ N); Nơi cư trú: Ấp Lộ Đức, xã H N 3, Hện Trảng Bom, tỉnh Đ N(Nay là phường H N, tỉnh Đ N); nghề nghiệp: Điện lạnh; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Vân H, sinh năm 1972; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Sống chung như vợ chồng với chị Ngô Tùng Bảo Tiên, sinh năm 2003 và có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án:

+ Ngày 20/9/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố B H, tỉnh Đ N xử phạt 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (Bản án số 430/2019/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/8/2020;

+ Ngày 27/7/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố B H xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (Bản án số 321/2022/HS-ST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/3/2024.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 04/4/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại

tạm giam khu vực B H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 03/4/2025, H đi bộ đến khu vực cầu giáp ranh giữa phường T D và phường H N, thành phố B H, tỉnh Đ N(nay là phường T D và phường L B, tỉnh Đ N) gặp người thanh niên tên Hải (không rõ nhân thân lai lịch) mua 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sau khi mua, H cất giấu 01 gói ma túy vào túi quần rồi đi về nhà H tại địa chỉ ấp Ngũ Phúc, xã H N 3, Hện Trảng Bom, tỉnh Đ N(nay là phường H N, tỉnh Đ N). Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 04/4/2025, tại khu vực thuộc tổ 43, khu phố 4C, phường T D, thành phố B H, tỉnh Đ N(nay là phường T D, tỉnh Đ N), H cất giấu gói ma túy nêu trên trong túi quần và cùng với Đỗ Hải Văn (sinh năm 1993, thường trú tại 22A/17, khu phố 3, phường H N, thành phố B H, tỉnh Đ N, nay là phường L B, tỉnh Đ N) đi bộ đến quán nhậu thì bị Công an phường T D kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Công an phường T D lập hồ sơ cHển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ Nxử lý. (Anh Văn không biết việc H cất dấu ma túy).

Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án khai nhận như Cáo trạng mô tả.

Về vật chứng: 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì bên trên có chữ ký của Dương Quốc H, Đỗ Hải V và hình dấu tròn màu đỏ Công an phường T D.

Tại bản kết luận giám định số 563/KL-KTHS ngày 09/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đ Nkết luận: "Mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1490 gam, loại: Methamphetamine".

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSKV1-ĐN ngày 08/7/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đ Nđã truy tố bị cáo Dương Quốc H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", được quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đ Ngiữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Dương Quốc H về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Dương Quốc H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong một phong bì ký hiệu số 563/KL-KTHS ngày 09/4/2025.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Quốc H khai nhận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 04/4/2025 tại khu vực tổ 43, khu phố 4C, phường T D, thành phố B H, tỉnh Đ N(nay là phường T D, tỉnh Đ N) Dương Quốc H có hành vi tàng trữ trái phép 0,1490 gam ma túy, loại Methamphethamine nhằm mục đích sử dụng thì bị Công an phường T D phát hiện, bắt quả tang. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi của bị cáo Dương Quốc H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đ Nđã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Dương Quốc H có 02 tiền án về tội "Cướp giật tài sản" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nhưng chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" nên bị xét xử tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước và gây mất trật tự an ninh tại

địa phương. Việc tàng trữ trái phép chất ma túy là nguyên nhân dẫn đến những thiệt hại về tài sản, là nguồn lây lan nhiều căn bệnh nguy hiểm, là nguyên nhân gia tăng các loại tội phạm về hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên cần xử phạt tù bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung sau khi xem xét đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong một phong bì ký hiệu số 563/KL-KTHS ngày 09/4/2025;

[6] Về vấn đề khác:

Đối với Đỗ Hải V: Do Văn không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của H nên Cơ quan điều tra không xử lý. Tuy nhiên, qua kiểm tra phát hiện Văn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy một mình vào ngày 02/4/2025 nên Ủy ban nhân dân phường T D ra Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

Đối với người thanh niên tên Hải (chưa rõ lai lịch) bán ma túy cho Dương Quốc H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ Ntiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo Dương Quốc H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249 ; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Dương Quốc H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Dương Quốc H **05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/4/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 gói ma túy còn lại sau giám định được đựng trong phong bì niêm phong số 563/KL-KTHS ngày 09/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ N.

(Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/7/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra (PC04) Công an tỉnh Đ Nvà Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đ N).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Dương Quốc H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ N;
- VKSND tỉnh Đ N;
- VKSND khu vực 1 – Đ N;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ N;
- Phòng thi hành án khu vực 1 – Đ N;
- Phân trại tạm giam khu vực B H;
- Bị cáo;
- Lưu HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Bùi Thị Bích Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân Hện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (Hện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân Hện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví

dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)